ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 725 /QĐ-UBND	*Hiệp Hòa, ngày 12 tháng 06 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 726/TTr-TNMT ngày 09/6/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sokan New Materials (Việt Nam), địa chỉ tại Lô CN-10 (thuê nhà xưởng số 2 của công ty Cổ phần chính xác TCI), KCN Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Dự án Nhà máy công ty TNHH Sokan new materials (Việt Nam)", địa chỉ thực hiện tại Lô CN-10 (thuê nhà xưởng số 2 của công ty Cổ phần chính xác TCI), KCN Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Nhà máy công ty TNHH Sokan new materials (Việt Nam).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-10 (thuê nhà xưởng số 2 của công ty cổ phần chính xác TCI), KCN Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp: 2400950521, đăng ký lần đầu ngày 01/12/2022, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc

Giang cấp. Giấy chứng nhận đầu tư số 9824428641 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang chứng nhận lần đầu ngày 28/11/2022.

1.4. Mã số thuế: 2400950521

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại sơn dùng cho ngành sản xuất các sản phẩm điện tử, xây dựng, công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Lô CN-10 (thuê nhà xưởng số 2 của công ty Cổ phần chính xác TCI), xã Mai Đình, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Sản xuất các loại sơn: 2.700 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Không cấp phép xả nước thải sinh hoạt do Công ty TNHH Sokan New Materials (Việt Nam) thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần chính xác TCI, Công ty Cổ phần chính xác TCI chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án Nhà máy công ty TNHH Sokan new materials (Việt Nam) đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sokan New Materials (Việt Nam) được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Sokan New Materials (Việt Nam) có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sokan New Materials (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án "Dự án Nhà máy công ty TNHH Sokan new materials (Việt Nam)" tại Lô CN-10 (thuê nhà xưởng số 2 của công ty cổ phần chính xác TCI), KCN Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Sokan New Materials (Việt Nam) được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Mai Đình, Công ty TNHH Sokan New Materials (Việt Nam) và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT (lưu h/s);
- UBND xã Mai Đình;
- LĐVP, CV KTNN;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA T. BẮC GIANG

Nguyễn Xuân Thảo

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 725 /GPMT-UBND ngày 12 / 06 /2023 của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

*** Nước thải sinh hoạt:**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt, vệ sinh của cán bộ, công nhân viên, người lao động làm việc tại Công ty TNHH Sokan new materials (Việt Nam).

- Không đề nghị cấp phép xả nước thải sinh hoạt do Công ty TNHH Sokan New Materials (Việt Nam) thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần chính xác TCI, theo thỏa thuận Công ty Cổ phần chính xác TCI chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án Dự án Nhà máy công ty TNHH Sokan new materials (Việt Nam) đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Phú.

*** Nước thải sản xuất:**

- Nguồn phát sinh: 03 nguồn:

+ Nguồn số 1: Nước thải từ quá trình làm mát máy móc, thiết bị phát sinh được tuần hoàn không thải ra môi trường. Nước thải chứa cặn lẫn dầu từ quá trình làm mát phát sinh khoảng 60 lít/năm được thu gom định kỳ 01 năm/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ quá trình dập bụi của hệ thống xử lý khí thải phát sinh được tuần hoàn không thải ra môi trường. Nước thải chứa cặn bụi sơn thải từ quá trình dập bụi, phát sinh khoảng 01m^3/ngày được thu gom định kỳ 03 tháng/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

+ Nguồn số 3: Nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị phát sinh được tuần hoàn không thải ra môi trường. Nước thải chứa dung dịch có thành phần Aceton và dung môi hóa chất hỗn hợp từ quá trình vệ sinh, chủ yếu là cặn sơn thải, phát sinh khoảng 50lit/lần được thu gom định kỳ 06 tháng/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Không đề nghị cấp phép đối với nước thải sản xuất, do: Toàn bộ lượng nước thải này được tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra môi trường, định kỳ thu gom mang đi xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Công ty TNHH Sokan new materials (Việt Nam) thuê lại nhà xưởng số 02 của công ty cổ phần chính xác TCI, do đó toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được công ty cổ phần chính xác TCI thu gom và xử lý như sau:

Tại khu vực dự án: Nước thải được xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn (mỗi bể dung tích 7m^3 tại nhà xưởng số 02), nước thải nhà bếp, nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ (01 bể dung tích 1,5 m^3). Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được thu gom theo đường ống uPVC D140, HDPE D60 tổng chiều dài 103m đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 02 công suất 10 m^3/ngày, sau đó nước thải tự chảy theo đường ống D90 dài 55 m ra hố gom nước thải chung của dự án, cuối cùng đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Phú.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt số 02, có công suất 10m^3/ngày.đêm của công ty cổ phần chính xác TCI: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, bể tách mỡ → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Hố ga quan trắc (đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Hố ga gom nước thải chung sau xử lý → Hệ thống thu gom nước thải KCN và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa.

- Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý: Công nghệ sinh học.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Không có

Do Công ty TNHH Sokan new materials (Việt Nam) thuê lại nhà xưởng của Công ty cổ phần chính xác TCI, theo thỏa thuận Công ty cổ phần chính xác TCI chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án nhà máy Công ty TNHH Sokan new materials (Việt Nam).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải do Công ty cổ phần chính xác TCI (đơn vị cho thuê nhà xưởng chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 725 /GPMT-UBND ngày 12 / 06 /2023 của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 1: Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn pha trộn sơn

+ Nguồn số 2: Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn thử nghiệm.

+ Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sơn thử nghiệm.

+ Nguồn số 4: Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn thử nghiệm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: 04 dòng khí thải

+ Dòng số 01: Khí thải từ công đoạn pha trộn sơn được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải có tháp hấp thụ bằng nước và than hoạt tính sau đó thoát ra môi trường qua ống thoát khí thải số 1. Với lưu lượng 22.000m^3/h.

+ Dòng số 02: Khí thải từ công đoạn pha trộn sơn được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải có tháp hấp thụ bằng nước và than hoạt tính sau đó thoát ra môi trường qua ống thoát khí thải số 2. Với lưu lượng 18.000m^3/h.

+ Dòng số 03: Khí thải từ công đoạn thao tác tại các bàn kiểm tra sản phẩm và tủ đựng sơn thử nghiệm được thu gom, xử lý bởi hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính sau đó thoát ra môi trường qua ống thoát khí thải số 3. Với lưu lượng 20.000m^3/h.

+ Dòng số 04: Khí thải từ công đoạn phun sơn thử nghiệm, từ máy sấy và từ công đoạn thao tác tại các bàn kiểm tra được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải có tháp hấp thụ bằng nước và than hoạt tính sau đó thoát ra môi trường qua ống thoát khí thải số 4. Với lưu lượng 33.000m^3/h.

2.2. Vị trí xả khí thải: (04 vị trí xả khí thải)

+ Vị trí 01: Ống thoát khí thải số 1. Tọa độ: X: 2349990; Y: 391963. (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0).

+ Vị trí 02: Ống thoát khí thải số 2. Tọa độ: X: 2349889; Y: 391982. (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0).

+ Vị trí 03: Ống thoát khí thải số 3. Tọa độ: X: 2349899; Y: 391968. (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0).

+ Vị trí 04: Ống thoát khí thải số 4. Tọa độ: X: 2349901; Y: 391971. (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 93.000m^3/h, tương đương 2.232.000m^3/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục theo thời gian làm việc của công ty.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

TT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	
			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)	QCVN 20:2009/ BTNMT
I	**Vị trí quan trắc: Ống thoát khí thải số 1,2,3,4**			
1	Lưu lượng	m^3/ giờ	-	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	-
3	CO	mg/Nm^3	1.000	-
4	SO_2	mg/Nm^3	500	-
5	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850	-
6	Propanol	mg/Nm^3	-	980
7	2-Pentanone	mg/Nm^3	-	700
8	Styren	mg/Nm^3	-	100
9	n-Butyl axetat	mg/Nm^3	-	950
10	Toluen	mg/Nm^3	-	750
11	Etylaxetat	mg/Nm^3	-	1.400
12	Metylacrylat	mg/Nm^3	-	35
13	n-heptan	mg/Nm^3	-	2.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Nhà máy lắp đặt 04 hệ thống thu gom, xử lý khí thải.

Hệ thống xử lý khí thải số 1: được lắp đặt để thu gom xử lý khí thải từ quá trình pha trộn sơn: Khí thải phát sinh từ quá trình pha trộn sơn được thu gom vào chụp hút (12 chiếc), sau đó qua đường ống thu gom đưa về thiết bị xử lý khí thải cấp 1 là tháp dập bụi bằng nước, nhờ phương pháp hấp thụ, bụi được giữ lại cùng với nước được thu xuống bể chứa nước, nước thải từ quá trình dập bụi

được chứa trong bể và sau đó được bơm tuần hoàn lên để tiếp tục dập bụi. Khí thải được đưa sang thiết bị xử lý khí thải, tại đây khí thải được xử lý bằng bằng phương pháp hấp phụ trên bề mặt than hoạt tính. Bụi, khí thải sau xử lý thoát ra ngoài bởi ống thoát khí số 1.

- Hệ thống xử lý khí thải số 2: được lắp đặt để thu gom xử lý khí thải từ quá trình pha trộn sơn: Khí thải phát sinh từ quá trình pha trộn sơn được thu gom vào chụp hút (07 chiếc), sau đó qua đường ống thu gom đưa về thiết bị xử lý khí thải cấp 1 là tháp dập bụi bằng nước, nhờ phương pháp hấp thụ, bụi được giữ lại cùng với nước được thu xuống bể chứa nước, nước thải từ quá trình dập bụi được chứa trong bể và sau đó được bơm tuần hoàn lên để tiếp tục dập bụi. Khí thải được đưa sang thiết bị xử lý khí thải, tại đây khí thải được xử lý bằng phương pháp hấp phụ trên bề mặt than hoạt tính. Bụi, khí thải sau xử lý thoát ra ngoài bởi ống thoát khí số 2.

- Hệ thống xử lý khí thải số 3: được lắp đặt để thu gom xử lý khí thải phát sinh từ phòng kiểm tra và tủ đựng sơn thử nghiệm. Lắp đặt 36 đầu ống D250 để thu khí thải từ các bàn thao tác và 05 đầu D160 từ tủ đựng sơn, sau đó qua đường ống thu gom khí thải về hệ thống xử lý khí thải số 3 để xử lý bụi và khí thải bằng phương pháp hấp phụ trên bề mặt than hoạt tính, khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài bởi ống thoát khí số 3.

- Hệ thống xử lý khí thải số 4: được lắp đặt để thu gom xử lý khí thải từ quá trình thử nghiệm, sấy sản phẩm thử nghiệm, tại bàn thao tác: Khí thải phát sinh được thu gom vào các ống thu khí (6 ống D400 thu khí tại 06 buồng phun sơn thử nghiệm, 05 ống D200 thu khí từ máy sấy, 01 ống D160 thu khí từ bàn thao tác, 02 ống D160 thu khí từ tủ đựng sơn thử nghiệm) sau đó qua đường ống thu gom đưa về thiết bị xử lý khí thải cấp 1 là tháp dập bụi bằng nước, nhờ phương pháp hấp thụ, bụi được giữ lại cùng với nước được thu xuống bể chứa nước, nước thải từ quá trình dập bụi được chứa trong bể và sau đó được bơm tuần hoàn lên để tiếp tục dập bụi. Khí thải được đưa sang thiết bị xử lý khí thải, tại đây khí thải được xử lý bằng phương pháp hấp phụ trên bề mặt than hoạt tính. Bụi, khí thải sau xử lý thoát ra ngoài bởi ống thoát khí số 4.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

Công ty lắp đặt 04 hệ thống xử lý khí thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải số 1: Khí thải → Chụp hút → Ống thu khí thải → Quạt hút → Tháp dập bụi → Thiết bị xử lý khí thải (bằng than hoạt tính) → Ống khói → Môi trường.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải số 2: Khí thải → Chụp hút → Ống thu khí thải → Quạt hút → Tháp dập bụi → Thiết bị xử lý khí thải (bằng than hoạt tính) → Ống khói → Môi trường.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải số 3: Khí thải → ống thu gom khí thải → Quạt hút → Thiết bị xử lý khí thải (bằng than hoạt tính) → Ống khói → Môi trường.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải số 4: Khí thải → Ống thu khí thải → Quạt hút → Tháp dập bụi → Thiết bị xử lý khí thải (bằng than hoạt tính) → Ống khói → Môi trường.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý khí thải số 1: 22.000m^3/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 2: 18.000m^3/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 3: 20.000m^3/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 4: 33.000m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng của 4 hệ thống xử lý khí thải: Than hoạt tính: 3.150kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: trong tháng 7/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 04 Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình pha trộn sơn, từ quá trình phòng kiểm tra và tủ đựng sơn thử nghiệm, từ quá trình thử nghiệm, sấy sản phẩm thử nghiệm, tại bàn thao tác (hệ thống xử lý khí thải số 1, hệ thống xử lý khí thải số 2, hệ thống xử lý khí thải số 3, hệ thống xử lý khí thải số 4).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 04 vị trí tại 04 ống thoát khí thải sau 04 hệ thống xử lý khí thải.

- Ống thoát khí thải số 1 (sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình pha trộn sơn).

- Ống thoát khí thải số 2 (sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình pha trộn sơn).

- Ống thoát khí thải số 3 (sau hệ thống xử lý khí thải từ phòng kiểm tra và tủ đựng sơn thử nghiệm).

- Ống thoát khí thải số 4 (sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình thử nghiệm, sấy sản phẩm thử nghiệm, tại bàn thao tác).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT cột B) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNTM) (Chi tiết theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	**Khí thải**			
1	04 vị trí Tại 04 ống thoát khí thải	Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2, Axeton, Propanol, 2-Pentanone, Styren, n-Butyl axetat, Toluen, Etylaxetat, Metylacrylat, Benzen, Xylen.	01 ngày/01 lần. Lấy mẫu trong vòng 03 ngày. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: 12/7/2023 - Lần 2: 13/7/2023 - Lần 3: 14/7/2023	QCVN 19:2009/ BTNMT cột B và QCVN 20:2009/ BTNMT

2.3. Tần suất lấy mẫu

Tần suất lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định: Thực hiện lấy mẫu đơn 1 lần/ngày (lấy mẫu 3 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 725 /GPMT-UBND ngày 12 / 06 /2023 của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 1: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của máy nén khí.

+ Nguồn số 2: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của 01 thiết bị xử lý khí thải số 1.

+ Nguồn số 3: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của 01 thiết bị xử lý khí thải số 2.

+ Nguồn số 4: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của 01 thiết bị xử lý khí thải số 3.

+ Nguồn số 5: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của 01 thiết bị xử lý khí thải số 4.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Vị trí số 1: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của máy nén khí. Tọa độ: X: 2349823; Y: 391994.

+ Vị trí số 2: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 1. Tọa độ: X: 2349990; Y: 391963.

+ Vị trí số 3: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 2. Tọa độ: X: 2349889; Y: 391982.

+ Vị trí số 4: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 3. Tọa độ: X: 2349899; Y: 391968.

+ Vị trí số 5: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 4. Tọa độ: X: 2349901; Y: 391971.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	*Khu vực thôngthường*

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4m/s^2 (103dB)	1,4m/s^2 (103dB)	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng sẽ được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

Ngoài ra, chủ dự án cũng sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu như:

- Bố trí các loại máy móc có tiếng ồn cao trong các khu vực khép kín, phòng riêng, lắp đặt chân đệm cao su giảm rung động, ồn.

- Trang bị bảo bộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

- Trang bị nút tai cho công nhân khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

- Bố trí thời gian làm việc cho các cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn, độ rung kéo dài.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung,.

- Lắp đặt các tấm đệm chống rung tại các thiết bị có cường độ hoạt động nhiều.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 725 /GPMT-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng	Rắn	02	16 01 06
2	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	300	18 02 01
3	Vỏ thùng, can đựng dầu	Rắn	10	18 01 02
4	Dầu mỡ thải (Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải)	Lỏng	30	17 02 04
5	Hộp chứa mực in	Rắn	01	08 02 04
6	Bao bì đựng hóa chất bằng kim loại	Rắn	1.000	18 01 02
7	Bao bì đựng hóa chất bằng nhựa	Rắn	1.000	18 01 03
8	Than hoạt tính thải	Rắn	3.150	18 02 01
9	Dung dịch vệ sinh máy móc thiết bị	Lỏng	100	19 10 02
10	Nước thải chứa cặn lẫn dầu	Bùn	60	19 10 02
11	Nước thải từ hệ thống xử lý bụi	Lỏng	4000	08 01 04
	Tổng cộng		**9.653**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Bao bì carton, nilon hỏng,…	Kg/tháng	200

2	Bao tay thải, mũ chụp, khẩu trang thải,....	Kg/tháng	10
	Tổng	Kg/tháng	**210**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 25kg/ngày, chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... Giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 12 thùng đựng chất thải nguy hại bằng nhựa, có nắp đậy, trong đó: 05 thùng dung tích: 50lit/thùng và 6 thùng 120 lit/thùng.

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải mang đi xử lý theo quy định, định kỳ 3-6 tháng/lần.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 11,28m^2, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo.

Đối với chất thải lỏng: bố trí 02 khay chống tràn bằng nhựa đặt phía dưới các thùng chứa chất thải, khay có kích thước: dài x rộng x cao = 0,6m x 0,6m x 0,2m để thu gom nếu có sự cố đổ tràn chất thải.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 04 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 120lít/thùng đặt trong kho chứa chất thải thông thường cùng với chất thải sinh hoạt.

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 1 tháng/lần.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa trong xưởng:

- Khu vực chứa chất thải sản xuất có diện tích khoảng 7,28m^2, được bố trí bên trong kho chứa chất thải thông thường cùng với chất thải sinh hoạt diện tích: 11,28m^2. Kho được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải thông thường: mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án bố trí bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt như sau:

+ Tại khu vực văn phòng: bố trí 03 thùng chứa rác thải sinh hoạt bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 6l/thùng, đặt tại khu vực văn phòng;

+ Tại khu vực nhà ăn: bố trí 01 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 120l/thùng.

+ Tại khu vực kho chứa chất thải: bố trí 02 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy 200lit/thùng.

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 1 tuần/lần.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực chứa chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng 4m^2, được bố trí bên trong kho chứa chất thải thông thường cùng với chất thải sản xuất diện tích: 11,28m^2. Kho được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải thông thường: mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống máy móc, thiết bị. Trường hợp hệ thống bị hỏng hóc cần kịp thời sửa chữa tránh thải ra môi trường làm ô nhiễm môi trường.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 725 /GPMT-UBND ngày 12 / 06 /2023 của UBND huyện Hiệp Hòa)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.
- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.
- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.
- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động, Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hiệp Hòa để được hướng dẫn giải quyết.
- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.
- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Các nội dung khác: Chi tiết tại nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.